TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2019
"V/v xin ly hôn**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tuấn Anh.

2. Ông Nguyễn Văn Thạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Việt Phương, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Phước Ngưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B (TRAN B);

Địa chỉ: Canada. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B (TRAN B) quen biết nhau thông qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị H, là chị ông C. Sau một thời gian tìm hiểu, đến ngày 25/02/2010, ông C và bà B tổ chức hôn lễ tại địa phương. Ngày 02/3/2010, vợ chồng ông C bà B đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01 ngày 02/3/2010. Sau khi kết hôn, ngày 05/3/2010 bà B quay trở lại Canada và tiến hành làm thủ tục bảo lãnh ông C sang Canada để đoàn tụ vợ chồng nhưng không được phía Canada chấp thuận. Từ khi không xuất cảnh được đến nay hai

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do địa lý cách trở, tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa nên ông C quyết định xin ly hôn để mỗi người tìm hạnh phúc riêng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn- bà Trần Thị B (TRAN B) trình bày: Bà B xác nhận quan hệ hôn nhân đúng như ông C đã trình bày. Do nhận thấy khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn nên bà B thống nhất với yêu cầu của ông C, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà B cũng xác nhận giữa bà và ông C không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị B cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án:Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Trần Thị B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, cả hai đương sự đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, nên bà Trần Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của bà B phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B tự nguyện đi đến hôn nhân, đã tổ chức đám cưới theo truyền thống tại địa phương và đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mỗi người sống mỗi nơi, ông Nguyễn Văn C ở Việt Nam

còn bàTrần Thị B ở Canada. Bà B đã cố gắng làm thủ tục bảo lãnh ông C để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được phía Canada chấp thuận. Do cách trở về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi nhau được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà B.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của ông nguyên đơn, chấp nhận cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Trần Thị B.

[3]Về con chung, tài sản chung và nợ chung, hai bên đều xá nhận không có và không yêu cầu, nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông C phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 464, điểm a khoản 5 Điều 477, và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Trần Thị B (TRAN B).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005358 ngày 22/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị B (TRAN B) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Trọng Điệp

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *Cục THA tỉnh TT Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;*
- *Lưu HCTP;*
- *Lưu hồ sơ.*